

TỜ TRÌNH

dự thảo các Nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu và bền vững, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ; đẩy mạnh phát triển kinh tế biển; phát triển lâm nghiệp bền vững; lãnh đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; phát triển hệ thống đô thị văn minh, hiện đại, tập trung vào các đô thị trung tâm và động lực trên địa bàn tỉnh

Kính gửi: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh;

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030; Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 và Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa I nhiệm kỳ 2025 - 2030, Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh đã tham mưu dự thảo các Nghị quyết chuyên đề gồm: (1) Dự thảo Nghị quyết về phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu và bền vững, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ; (2) Dự thảo Nghị quyết về đẩy mạnh phát triển kinh tế biển; (3) Dự thảo Nghị quyết về phát triển lâm nghiệp bền vững; (4) Dự thảo Nghị quyết về lãnh đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; (5) Dự thảo Nghị quyết về phát triển hệ thống đô thị văn minh, hiện đại, tập trung vào các đô thị trung tâm và động lực trên địa bàn tỉnh. Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã họp cho ý kiến đối với các dự thảo Nghị quyết nêu trên. Đồng thời, giao Văn phòng Tỉnh ủy tiếp thu hoàn thiện và tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy trình Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh xem xét, cho ý kiến với một số nội dung chính như sau:

I. Về bố cục và cơ sở xây dựng dự thảo 05 Nghị quyết

Dự thảo 05 Nghị quyết được xây dựng bảo đảm bố cục chặt chẽ, logic, thống nhất theo kết cấu của một nghị quyết chuyên đề của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, gồm các phần cơ bản: (i) Đánh giá tình hình và nguyên nhân; (ii) Quan điểm; (iii) Mục tiêu, chỉ tiêu; (iv) Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu; (v) Tổ chức thực hiện. Nội dung giữa các phần có sự kế thừa, liên kết chặt chẽ, bảo đảm tính xuyên suốt từ đánh giá thực tiễn đến xác định mục tiêu và đề ra giải pháp thực hiện.

Về cơ sở đề xuất các nội dung trong dự thảo các Nghị quyết: Để xây dựng các dự thảo Nghị quyết nêu trên, cơ quan chức năng đã tham mưu đánh giá việc thực hiện các nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy Quảng Ngãi (cũ) và Tỉnh ủy Kon Tum (cũ), nhiệm kỳ 2020 - 2025. Nội dung đánh giá đã phản ánh tương đối đầy đủ kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân, làm cơ sở quan trọng để xác định các quan điểm, mục tiêu và giải pháp phát triển công nghiệp và du lịch tỉnh trong thời gian đến.

Các mục tiêu, chỉ tiêu được xác định cơ bản rõ ràng, có định lượng, phù hợp với định hướng phát triển chung của tỉnh, các chủ trương, định hướng lớn của Trung ương; nhiệm vụ, giải pháp được xây dựng tương đối toàn diện trên các lĩnh vực, có trọng tâm, trọng điểm, gắn với các khâu đột phá và các ngành, lĩnh vực then chốt, nhất là trong bối cảnh mở rộng không gian phát triển, đòi hỏi cao hơn về liên kết vùng, nâng cao năng lực cạnh tranh và khai thác hiệu quả các tiềm năng, lợi thế đặc thù của địa phương. Đồng thời, các dự thảo nghị quyết có sự gắn kết, bổ trợ lẫn nhau, tạo thành hệ thống giải pháp đồng bộ nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhanh và bền vững trong giai đoạn 2026 - 2030 và những năm tiếp theo, theo đúng tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 – 2030.

II. Về nội dung chính

1. Dự thảo Nghị quyết về phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu và bền vững, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ giai đoạn 2026 - 2030 và định hướng đến năm 2045

- Giai đoạn 2021 - 2025, ngành nông nghiệp của tỉnh tiếp tục phát triển và đạt nhiều kết quả tích cực. Cơ cấu ngành nông nghiệp chuyển dịch theo hướng nâng cao giá trị gia tăng; nhiều vùng sản xuất hàng hóa tập trung được hình thành; các sản phẩm nông nghiệp chủ lực từng bước được xây dựng thương hiệu, mở rộng thị trường tiêu thụ. Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) được triển khai hiệu quả; kinh tế tập thể, hợp tác xã nông nghiệp có bước phát triển; ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp từng bước được đẩy mạnh. Một số vùng nguyên liệu tập trung đối với cây ăn quả, cây dược liệu, chăn nuôi và thủy sản được hình thành, tạo điều kiện thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực chế biến nông sản. Tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp vẫn còn phân tán, quy mô nhỏ lẻ; liên kết giữa sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm chưa chặt chẽ; công nghiệp chế biến nông sản phát triển chưa tương xứng với tiềm năng; năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của một số sản phẩm còn thấp; ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số còn hạn chế; khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu và yêu cầu hội nhập quốc tế còn nhiều khó khăn.

- Về quan điểm, dự thảo Nghị quyết xác định phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu và bền vững là nhiệm vụ trọng tâm trong cơ cấu lại ngành nông

ng nghiệp, gắn chặt với phát triển công nghiệp chế biến và mở rộng thị trường tiêu thụ. Chuyển mạnh từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp; phát triển nông nghiệp theo hướng sinh thái, hữu cơ, tuần hoàn, ứng dụng công nghệ cao và thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát huy vai trò trung tâm của người nông dân, vai trò dẫn dắt của doanh nghiệp, hợp tác xã và vai trò kiến tạo của Nhà nước; thúc đẩy liên kết chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm, nâng cao giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của nông sản tỉnh Quảng Ngãi.

- Về mục tiêu, dự thảo Nghị quyết xác định phát triển nền nông nghiệp hàng hóa hiện đại, hiệu quả, bền vững; hình thành các vùng nguyên liệu tập trung quy mô lớn gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ ổn định. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, nông nghiệp thông minh; phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, đặc sản, sản phẩm OCOP có thương hiệu và khả năng cạnh tranh cao. Từng bước xây dựng Quảng Ngãi trở thành trung tâm sản xuất, chế biến một số sản phẩm nông nghiệp, được liệu có lợi thế của khu vực miền Trung; nâng cao thu nhập và đời sống của người dân nông thôn.

- Về các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030, dự thảo Nghị quyết đề ra mục tiêu tăng trưởng bình quân lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 5 - 6%/năm; mở rộng diện tích sản xuất theo tiêu chuẩn chất lượng khoảng 4.000 ha; hình thành vùng trồng được liệu tập trung khoảng 8.000 ha; phát triển thêm các vùng và doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; tăng cường cấp mã số vùng trồng, phát triển hợp tác xã, sản phẩm OCOP; đẩy mạnh phát triển chăn nuôi, thủy sản theo hướng hiện đại, an toàn và bền vững.

- Các nhiệm vụ, giải pháp được xây dựng tương đối toàn diện, tập trung vào các nhóm nội dung chủ yếu: (1) Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động thực hiện chủ trương phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu và bền vững, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ; (2) Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước trong phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu và bền vững, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ; (3) Tái cơ cấu sản xuất, phát triển vùng nguyên liệu và công nghiệp chế biến; (4) Tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế chính sách; thúc đẩy nghiên cứu, phát triển thị trường, hỗ trợ xuất khẩu nông nghiệp, thủy sản; (5) Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu và bền vững, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ; (6) Đẩy mạnh khoa học - công nghệ và chuyển đổi số cho phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu và bền vững, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ.

2. Dự thảo Nghị quyết về đẩy mạnh phát triển kinh tế biển tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045

- Giai đoạn 2021 - 2025, kinh tế biển tiếp tục khẳng định vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Các ngành kinh tế biển chủ lực như công nghiệp ven biển, cảng biển, dịch vụ logistics, khai thác và nuôi trồng thủy sản, du lịch biển từng bước phát triển; Khu kinh tế Dung Quất tiếp tục giữ vai trò động lực tăng trưởng của tỉnh và khu vực. Hệ thống kết cấu hạ tầng ven biển được quan tâm đầu tư; nhiều dự án công nghiệp, dịch vụ, du lịch quy mô lớn được triển khai; đời sống vật chất, tinh thần của người dân vùng ven biển và hải đảo từng bước được nâng cao. Công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên, môi trường biển, ứng phó với biến đổi khí hậu được chú trọng; quốc phòng, an ninh, chủ quyền biển, đảo được giữ vững. Tuy nhiên, kinh tế biển phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của tỉnh; quy mô các ngành kinh tế biển còn nhỏ; hạ tầng logistics, cảng biển và dịch vụ hậu cần nghề cá chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; liên kết giữa các ngành kinh tế biển còn hạn chế; nguồn nhân lực chất lượng cao còn thiếu; ô nhiễm môi trường biển, tác động của biến đổi khí hậu, sạt lở bờ biển và khai thác tài nguyên chưa thực sự bền vững vẫn là những thách thức lớn trong quá trình phát triển.

- Về quan điểm, dự thảo Nghị quyết xác định phát triển kinh tế biển là nhiệm vụ chiến lược, động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng nhanh và bền vững của tỉnh; phát triển kinh tế biển trên cơ sở khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế, gắn với bảo vệ môi trường, bảo tồn hệ sinh thái biển, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo đảm quốc phòng, an ninh, chủ quyền biển, đảo. Phát triển kinh tế biển theo hướng xanh, hiện đại, đa ngành, đa lĩnh vực; lấy Khu kinh tế Dung Quất làm trung tâm động lực; tăng cường liên kết vùng, liên kết ngành và đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong các ngành kinh tế biển.

- Về mục tiêu, dự thảo Nghị quyết xác định phát triển kinh tế biển trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế tỉnh; xây dựng Quảng Ngãi trở thành tỉnh mạnh về biển, giàu từ biển, phát triển bền vững trên cơ sở khai thác hợp lý tài nguyên biển. Tập trung phát triển các ngành kinh tế biển có lợi thế cạnh tranh như công nghiệp ven biển, cảng biển và logistics, du lịch biển đảo, thủy sản, năng lượng tái tạo ngoài khơi và các ngành kinh tế biển mới; phát huy vai trò động lực của Khu kinh tế Dung Quất, từng bước hình thành trung tâm công nghiệp, logistics và năng lượng quan trọng của khu vực miền Trung.

- Về chỉ tiêu, dự thảo Nghị quyết xác định các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030 gồm: Tổng giá trị sản phẩm của các xã, phường, đặc khu có biển đóng góp trên 65% tổng giá trị sản phẩm của toàn tỉnh; phấn đấu đến năm 2030 các xã, phường, đặc khu có biển cơ bản không còn hộ nghèo; phát triển đặc khu Lý Sơn theo hướng đảo du lịch sinh thái gắn với đô thị xanh, thông minh và dịch vụ hậu cần trên biển; tăng diện tích khu bảo tồn biển Lý Sơn, các khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản; kiểm soát ô nhiễm môi trường biển, đặc biệt là rác thải nhựa đại dương; 100% khu công nghiệp ven

biển thuộc Khu Kinh tế Dung Quất đi vào hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung, vận hành ổn định, đáp ứng quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường theo quy định.

- Về nhiệm vụ, giải pháp, dự thảo Nghị quyết tập trung vào các nhóm nội dung chủ yếu: (1) Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân trong phát triển nhanh và bền vững kinh tế biển; (2) Tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách theo hướng khơi thông nguồn lực để phát triển kinh tế biển; (3) Tiếp tục phát triển nhanh và bền vững các ngành kinh tế biển; (4) Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo chuyên đổi số; nâng cao năng lực quản trị, đáp ứng nhu cầu phát triển nhanh và bền vững kinh tế biển; (5) Phát huy vai trò động lực của Khu kinh tế Dung Quất trong phát triển kinh tế biển của tỉnh; (6) Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, tạo động lực để thúc đẩy tăng trưởng của các ngành kinh tế biển, là nền tảng cho phát triển xã hội và kinh tế số; hình thành các khu đô thị sinh thái xanh ở vùng ven biển và đặc khu Lý Sơn; (7) Xây dựng một nền kinh tế biển có trách nhiệm, gắn bảo vệ môi trường, bảo tồn và phát triển các hệ sinh thái biển, ứng phó với biến đổi khí hậu; (8) Nâng cao đời sống Nhân dân, tăng cường xây dựng thiết chế văn hoá biển, xã hội gắn bó, thân thiện với biển; (9) Bảo đảm quốc phòng, an ninh, an toàn trên biển; tăng cường công tác đối ngoại, hợp tác quốc tế; (10) Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để tập trung phát triển các ngành kinh tế biển của tỉnh.

3. Dự thảo Nghị quyết về phát triển lâm nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, định hướng đến năm 2035

- Giai đoạn 2020 - 2025, công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh đạt nhiều kết quả tích cực. Toàn tỉnh đã thực hiện trồng rừng tập trung đạt 160.908 ha, trồng 37 triệu cây phân tán, khoanh nuôi phục hồi 6.589,16 ha rừng, nuôi dưỡng làm giàu 420,2 ha rừng; tỷ lệ che phủ rừng đạt 59,45%. Kinh tế lâm nghiệp từng bước chuyển dịch theo hướng nâng cao giá trị gia tăng với tổng sản lượng gỗ khai thác đạt 15,7 triệu m³, diện tích trồng Sâm Ngọc Linh đạt 3.228 ha; tổng nguồn lực huy động cho phát triển lâm nghiệp đạt hơn 14.685 tỷ đồng. Tuy nhiên, diện tích và chất lượng rừng còn tiềm ẩn nguy cơ suy giảm; giá trị gia tăng của ngành lâm nghiệp chưa cao; liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ lâm sản chưa bền vững; tình trạng lấn chiếm đất lâm nghiệp, khai thác gỗ trái phép, cháy rừng vẫn còn nguy cơ xảy ra; nguồn lực đầu tư chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; tăng trưởng ngành lâm nghiệp chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của tỉnh.

- Về quan điểm, dự thảo Nghị quyết xác định phát triển lâm nghiệp bền vững, đa giá trị và hiện đại hóa ngành lâm nghiệp theo cơ chế thị trường, hội nhập quốc tế, phù hợp với xu thế phát triển xanh, kinh tế tuần hoàn và thích ứng với biến đổi khí

hậu. Huy động, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư để phát triển nhanh, bền vững ngành lâm nghiệp; bảo đảm hài hòa giữa quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng tài nguyên rừng. Đồng thời, gắn phát triển kinh tế lâm nghiệp với bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, cải thiện sinh kế và nâng cao đời sống người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số và người dân sống gần rừng, góp phần giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Về mục tiêu, dự thảo Nghị quyết xác định phát triển lâm nghiệp trở thành ngành kinh tế - kỹ thuật hiện đại, có đóng góp ngày càng cao vào GRDP của tỉnh; nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành, tạo ra các sản phẩm và dịch vụ lâm nghiệp đa dạng, có giá trị gia tăng cao, tham gia sâu vào chuỗi giá trị lâm sản quốc gia. Định hướng đến năm 2035, ngành lâm nghiệp của tỉnh phát triển bền vững, hiện đại, trở thành một trong những lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế xanh.

- Về chỉ tiêu, dự thảo Nghị quyết xác định các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030 gồm: Tỷ lệ che phủ rừng đạt 60%; trồng mới 135.000 ha rừng tập trung, trồng 40 triệu cây phân tán; khoanh nuôi phục hồi rừng 3.000 ha, nuôi dưỡng làm giàu rừng 1.000 ha; phát triển lâm sản ngoài gỗ 2.500 ha; giải quyết việc làm khoảng 40.000 lao động/năm. Phấn đấu có 100% diện tích rừng có chủ quản lý; khoảng 40.000 ha rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC); giảm phát thải 1,129 triệu tấn các-bon, hấp thụ và lưu giữ khoảng 10 triệu tấn các-bon; khai thác, chế biến 13,4 triệu m³ gỗ; thu hút thêm ít nhất 01 nhà máy chế biến gỗ công suất trên 50.000 m³/năm; huy động khoảng 19.000 tỷ đồng đầu tư phát triển lâm nghiệp, duy trì tốc độ tăng trưởng ngành khoảng 6% và đóng góp khoảng 7% GRDP của tỉnh vào năm 2030.

- Về nhiệm vụ, giải pháp, dự thảo Nghị quyết đề ra 06 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu: (1) Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về phát triển lâm nghiệp bền vững; (2) Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; (3) Nâng cao hiệu quả thực hiện các cơ chế, chính sách về lâm nghiệp; (4) Tập trung phát triển kinh tế lâm nghiệp theo hướng bền vững, nâng cao giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm lâm nghiệp; (5) Bố trí, huy động hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho phát triển ngành lâm nghiệp; (6) Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong quản lý, bảo vệ và phát triển lâm nghiệp.

4. Dự thảo Nghị quyết về lãnh đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030

- Giai đoạn 2021 - 2025, việc triển khai đồng bộ các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh đạt nhiều kết quả quan trọng, toàn diện. Diện mạo nông thôn có nhiều khởi sắc, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư đồng bộ, tăng cường tính kết nối liên vùng. Công tác giảm nghèo đạt kết quả tích cực, tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm còn 2,5% (giảm 10,22 điểm%, bình quân giảm 2,04 điểm%/năm), thu nhập bình quân đầu người đạt 52,5 triệu đồng/người/năm (tăng 50,1% so với năm 2020, bình quân tăng 8,5%/năm). Các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa được quan tâm đầu tư; đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số tiếp tục được cải thiện; hệ thống chính trị cơ sở được củng cố, quốc phòng, an ninh được giữ vững. Tuy nhiên, việc lồng ghép, điều phối nguồn lực giữa các chương trình còn bất cập; tiến độ triển khai một số dự án, tiểu dự án còn chậm; tỷ lệ giải ngân nguồn vốn sự nghiệp chưa đạt yêu cầu; đời sống của một bộ phận người dân vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn; kết quả giảm nghèo tại một số địa bàn chưa thật sự bền vững, nguy cơ tái nghèo còn cao.

- Về quan điểm, dự thảo Nghị quyết xác định thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên và xuyên suốt của cả hệ thống chính trị; bảo đảm tính kế thừa, phát triển, phù hợp với Quy hoạch tỉnh và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030. Phát triển kinh tế nông thôn là nền tảng, gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng nông thôn mới với quá trình đô thị hóa; ưu tiên nguồn lực cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, khu vực biên giới, hải đảo. Bảo đảm mọi người dân được tiếp cận bình đẳng các dịch vụ xã hội cơ bản, hạ tầng thiết yếu và cơ hội phát triển, với phương châm “không để ai bị bỏ lại phía sau”.

- Về mục tiêu, dự thảo Nghị quyết xác định xây dựng nông thôn mới theo hướng hiện đại, giàu đẹp, bản sắc và bền vững; phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thực hiện giảm nghèo đa chiều, bao trùm và bền vững; phát triển kinh tế nông thôn theo hướng xanh, tuần hoàn, sinh thái gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp. Nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống của người dân; thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, miền và các nhóm dân cư; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc; bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Về chỉ tiêu, dự thảo Nghị quyết xác định 06 chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030 gồm: Thu nhập bình quân của người dân nông thôn gấp 2,5 - 3 lần so với năm 2020; thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số đạt bằng 1/2 bình quân chung của cả nước; trên 65% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó khoảng 2% số xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại; trên 70% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn; phấn đấu cơ bản không còn hộ nghèo; 100% hộ đồng bào dân tộc thiểu số đủ

đất ở, đất sản xuất theo định mức; vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cơ bản không còn xã, thôn đặc biệt khó khăn.

- Về nhiệm vụ, giải pháp, dự thảo Nghị quyết đề ra 06 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu: (1) Quán triệt, tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và Nhân dân về mục tiêu, ý nghĩa của Chương trình; (2) Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị trong tổ chức thực hiện Chương trình; (3) Huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư; (4) Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo sinh kế và nâng cao thu nhập cho người dân; (5) Phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao chất lượng giáo dục, y tế, chăm sóc sức khỏe và đời sống tinh thần của Nhân dân; (6) Bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội ở khu vực nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

5. Dự thảo Nghị quyết về phát triển hệ thống đô thị văn minh, hiện đại, tập trung vào các đô thị trung tâm và động lực trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

- Giai đoạn 2021 - 2025, hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh được quan tâm đầu tư phát triển theo hướng văn minh, hiện đại và đạt nhiều kết quả tích cực. Nhận thức của các cấp ủy, chính quyền về vai trò, tầm quan trọng của phát triển đô thị có nhiều chuyển biến; hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tại các đô thị trung tâm và đô thị động lực từng bước được đầu tư đồng bộ; nhiều khu đô thị, khu dân cư mới được hình thành; các ứng dụng phục vụ quản lý đô thị thông minh, tăng trưởng xanh và thích ứng với biến đổi khí hậu từng bước được triển khai. Khu vực đô thị tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, đóng góp lớn vào GRDP, thu ngân sách và giải quyết việc làm cho người lao động. Hạ tầng ven biển, khu kinh tế, khu công nghiệp, cảng biển, dịch vụ và du lịch tiếp tục được đầu tư, tạo động lực thúc đẩy phát triển đô thị. Tuy nhiên, tốc độ đô thị hóa chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế của tỉnh; tỷ lệ đô thị hóa năm 2025 chỉ đạt khoảng 30,6%, thấp hơn mức bình quân cả nước. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật tại một số đô thị chưa đồng bộ; kết nối giao thông liên vùng và liên đô thị còn hạn chế; chất lượng quy hoạch đô thị chưa đồng đều; việc triển khai một số dự án đô thị còn chậm; hạ tầng số, dịch vụ đô thị và năng lực quản lý đô thị chưa đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

- Về quan điểm, dự thảo Nghị quyết xác định phát triển hệ thống đô thị văn minh, hiện đại là nhiệm vụ trọng tâm, mang tính đột phá, có vai trò dẫn dắt quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Phát triển đô thị theo mô hình đa trung tâm, đa cực tăng trưởng, bảo đảm liên kết chặt chẽ giữa các đô thị trung tâm, đô thị động lực với các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu du lịch, khu vực nông thôn, miền núi, biên giới và hải đảo. Lấy người dân làm trung

tâm phục vụ, doanh nghiệp làm động lực phát triển; ưu tiên đầu tư các đô thị trung tâm, đô thị động lực, các hành lang kinh tế và các khu vực có khả năng lan tỏa cao. Phát triển đô thị trên nền tảng quy hoạch chất lượng cao, hạ tầng đồng bộ, đô thị thông minh, tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Về mục tiêu, dự thảo Nghị quyết xác định quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển hệ thống đô thị theo hướng bền vững, văn minh, hiện đại, giàu bản sắc; gắn với bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử đặc trưng của địa phương; nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân. Phát triển các đô thị trung tâm và đô thị động lực trở thành các cực tăng trưởng, trung tâm kinh tế, thương mại, dịch vụ, du lịch và đổi mới sáng tạo, có sức cạnh tranh cao, đóng vai trò dẫn dắt và lan tỏa phát triển trên phạm vi toàn tỉnh; góp phần xây dựng Quảng Ngãi trở thành tỉnh phát triển khá của khu vực miền Trung - Tây Nguyên.

- Về chỉ tiêu, dự thảo Nghị quyết xác định các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030 về quy hoạch, phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật, đô thị xanh, đô thị thông minh và chất lượng sống của người dân. Trong đó, 100% đô thị có quy hoạch chung được phê duyệt, rà soát và cập nhật phù hợp với Quy hoạch tỉnh; các đô thị trung tâm và đô thị động lực hoàn thành phủ kín quy hoạch phân khu. Các đô thị trung tâm cấp tỉnh đạt tiêu chuẩn đô thị loại II, các đô thị động lực cơ bản đạt tiêu chuẩn đô thị loại III. Từ 80% đô thị trở lên có hệ thống cấp nước sạch tập trung; 100% dân số đô thị được sử dụng nước sạch; trên 98% chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý theo quy định. Tỷ lệ cây xanh tại các đô thị trung tâm và đô thị động lực đạt 15 m²/người; hình thành từ 03 khu đô thị sinh thái trở lên; 100% đô thị trung tâm và đô thị động lực triển khai các ứng dụng phục vụ quản lý đô thị thông minh; diện tích nhà ở bình quân đạt từ 28 - 30 m²/người.

- Về nhiệm vụ, giải pháp, dự thảo Nghị quyết đề ra 10 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu: (1) Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, phát triển con người và văn hóa đô thị; (2) Nâng cao chất lượng quy hoạch và quản lý phát triển không gian đô thị; (3) Phát triển hệ thống đô thị và nâng cấp đô thị theo định hướng Quy hoạch tỉnh; (4) Đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị đồng bộ, hiện đại; (5) Phát triển đô thị xanh, bảo vệ môi trường và cảnh quan đô thị; (6) Đẩy mạnh phát triển đô thị thông minh và chuyển đổi số; (7) Nâng cao chất lượng kiến trúc, cảnh quan và xây dựng nếp sống văn minh đô thị; (8) Phát triển kinh tế đô thị, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư; (9) Phát triển nhà ở, dịch vụ đô thị và nâng cao chất lượng sống của người dân; (10) Hoàn thiện cơ chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về phát triển đô thị.

Thực hiện Quy chế làm việc của Tỉnh ủy khóa I, nhiệm kỳ 2025 - 2030, Ban Thường vụ Tỉnh ủy kính trình Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh xem xét, cho ý kiến thông qua các báo cáo tổng kết và 05 dự thảo Nghị quyết nêu trên.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy kính trình Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh xem xét, cho ý kiến.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành phần dự Hội nghị Tỉnh ủy;
- VPTU: CVP, PCVP, PTH;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ

U Huấn